

VẤN ĐỀ NĂNG KHIẾU TRONG TÂM LÝ HỌC

○ TS. PHÙNG THỊ HẰNG* - ThS. PHÍ THỊ HIẾU**

Dã từ lâu, vấn đề năng khiếu (NK) và giáo dục trẻ em có NK được đặc biệt chú trọng ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Do đó, việc xác định bản chất của NK đã thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học và những người làm công tác giáo dục. Vai trò quan trọng của công việc này được thể hiện ở chỗ: dựa trên khái niệm về NK, người ta xây dựng các phương pháp chẩn đoán để phát hiện trẻ em có NK, soạn thảo chương trình, lựa chọn phương pháp bồi dưỡng, giáo dục trẻ... Cho đến nay, vẫn tồn tại nhiều quan niệm khác nhau về NK; những yếu tố ảnh hưởng đến việc xác định khái niệm NK... Bài viết này khái quát tiến trình nghiên cứu về NK trong nhiều năm qua.

Thời kì cổ đại, khi khoa học kém phát triển, việc giải thích hiện tượng nào đó trong cuộc sống thường dựa trên những quan điểm duy tâm. Do đó, quan niệm «tâm lí” là do thượng đế, chúa trời sinh ra đã thống trị trong một thời gian dài. Chẳng hạn, Platon cho rằng «nhà thơ sáng tác không phải từ nghệ thuật và kiến thức mà từ sự định trước của chúa trời” (1).

Đến khoảng giữa thế kỉ 19, một quan niệm khác đã được hình thành. Nhà khoa học nổi tiếng người Anh là Frensis Galton bắt đầu nghiên cứu một cách tích cực ý tưởng về thiên tài - «sản phẩm của dòng họ thiên tài”. Ông chú ý phân tích gia phả của những người kiệt xuất ở thời đại mình cùng các thời kì trước và tìm ra hàng dãy những quy luật. Từ đó, ông chỉ ra rằng, sự biểu lộ của NK trước hết phụ thuộc vào di truyền. Sau ông, việc nghiên cứu vấn đề NK diễn ra theo chiều hướng của khoa học tự nhiên. Tuy nhiên sau đó, với sự xuất hiện và phát triển của di truyền học, người ta đã chứng minh rằng quá trình chuyển giao những dấu hiệu di truyền được thực hiện thông qua nhiều nhân tố và có tính gián tiếp cao. Như vậy, NK không thể được kế thừa một cách trực tiếp bằng con đường di truyền.

Đối lập với các quan điểm trên là lí thuyết «tấm bảng sạch” của J.Lôckơ. Theo quan điểm này, khi mới sinh ra, đứa trẻ không tồn tại bất kì một tặng vật nào - từ chúa trời hay do bẩm sinh

- tạo điều kiện cho hoạt động trí tuệ hay hoạt động bất kì nào khác. Đứa trẻ giống như một tấm bảng sạch, không có bất cứ một dấu hiệu hay ý tưởng nào được «ghi” vào nó. Tuy nhiên, thực tiễn đã chứng minh rằng, năng lực trí tuệ, năng lực sáng tạo của mọi người không giống nhau và những khác biệt này bộc lộ từ thời thơ ấu. Phạm vi của chúng rất rộng - từ tình trạng kém phát triển đến mức độ cao của NK. Không thể chỉ dựa trên những tác động của môi trường và giáo dục để giải thích những khác biệt này, đặc biệt ở những người có năng lực xuất chúng.

Trong các công trình nghiên cứu trước đây, NK được đồng nhất với trí tuệ. Những nhà tâm lí học (TLH) nổi tiếng, tác giả của các trắc nghiệm được phổ biến rộng rãi như A.Bine, L.M.Terman, đã xem trí tuệ như là nhân tố duy nhất để xác định NK. Mỗi người trong số các nhà lí luận đã giải thích trí tuệ theo cách riêng của mình: trí tuệ như là năng lực lí luận, năng lực tư duy trừu tượng hoặc năng lực thích ứng với môi trường xung quanh.

Với cách hiểu như vậy, những trắc nghiệm trí tuệ đầu tiên đã được xây dựng. Từ đó đã xuất hiện khái niệm hệ số trí tuệ IQ và được sử dụng rộng rãi cho đến nay. Những cách xác định sự phát triển trí tuệ tiếp tục được nảy sinh sau đó và có thể gọi là các cách tiếp cận đa nhân tố vì chúng đưa một vài dấu hiệu vào trong khái niệm NK cũng như những tiền đề cần thiết cho việc hiện thực hóa nó. Những đại diện tiêu biểu cho cách tiếp cận này là Charles Edward Spearman, J.P. Guilford. Mô hình trí tuệ của J.P. Guilford được coi là đỉnh điểm của cách tiếp cận nhiều nhân tố (2).

Dần dần, những phạm vi mới của sự thể hiện NK đã được xác định, số lượng các loại NK được mở rộng. Điều đó được phản ánh trong cách xác định chính thức về NK (do Ủy ban Giáo dục Hoa Kỳ thừa nhận năm 1978): «*Những học sinh tài năng và có NK là những học sinh được phát hiện (bởi những người được đào tạo một cách chuyên nghiệp) với tư cách là những người sở hữu tiềm năng đạt được các thành tích cao nhờ những năng*

* Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên

** Trường Đại học sư phạm quốc gia Moskva

lực xuất sắc. Những đứa trẻ như thế đòi hỏi chương trình học tập hoặc sự giúp đỡ khác biệt, vượt ra khỏi phạm vi của giáo dục thông thường ở nhà trường để có thể hiện thực hóa những tiềm năng của mình và góp phần vào sự phát triển của xã hội. Những trẻ em có khuynh hướng đạt được những thành tích cao có thể không thể hiện ngay lập tức nhưng có tiềm năng một trong những lĩnh vực sau: những năng lực trí tuệ chung; những năng lực học tập; tư duy sáng tạo và có hiệu quả; những năng lực làm thủ lĩnh; những năng lực hoạt động nghệ thuật; những năng lực thể thao... (3).

Cách xác định trên cho thấy, những người được gọi là có NK bao gồm cả số người đã thể hiện các khả năng đạt được thành tích rực rỡ và cả những người sở hữu các năng lực tiềm ẩn, tạm thời họ chưa đạt được thành tích nào nhưng có khả năng đạt được các thành tích đó trong tương lai.

Như vậy, cách tiếp cận nhiều nhân tố với hiện tượng NK đã không thừa nhận nhân tố trí tuệ phát triển ở mức độ cao là chỉ số duy nhất của NK.

Vào năm 1978, cách xác định NK theo J.S Renjulli đã được thừa nhận rộng rãi. Theo cách tiếp cận này, những người có NK và tài năng thực sự góp phần vào sự phát triển của xã hội sở hữu ba đặc trưng, đó là: khả năng sáng tạo cao; động cơ lớn và mức độ của các năng lực (trong số đó có các năng lực trí tuệ) cao hơn mức bình thường.

Năm 1983, A. J Tannenbaum đã soạn thảo mô hình 5 nhân tố thể hiện quan niệm về tính chất phức tạp của chính hiện tượng NK cũng như của những điều kiện cần thiết đối với sự phát triển và thể hiện của nó (4). Theo ông, NK không phải là tổng số của các năng lực đặc biệt. Hơn nữa, sự hiện diện của các phẩm chất trí tuệ và nhân cách phi thường không đảm bảo cho việc hiện thực hóa các năng lực mà cần có sự tác động qua lại của năm điều kiện lớn bao gồm các nhân tố bên trong và bên ngoài, đó là: nhân tố G hoặc các năng lực chung; các năng lực chuyên biệt trong lĩnh vực cụ thể; những đặc điểm riêng biệt của các phẩm chất nhân cách, ý chí phù hợp với lĩnh vực cụ thể của các năng lực chuyên biệt; môi trường tác động phù hợp với sự phát triển của những năng lực này (gia đình, nhà trường, các tấm gương mẫu mực); các nhân tố ngẫu nhiên.

Ở Nga, vào đầu thế kỉ XX, trong việc xác định NK, các nhà TLH như M.X Berstein, P.P Blonxki, N.D Levitov, G.I Roxxolimo, I.P Spilrein, A.M Subert, B.M Ekzemliarxki, v.v... đã làm việc một cách tích cực. G.I Roxxolimo đã đề xuất cách thức đo đạc đơn giản và nhanh chóng những khác biệt

cá nhân trong sự phát triển trí tuệ theo mức độ của 11 quá trình tâm lí (chú ý, ý chí, trí nhớ, v.v...). Đây là thử nghiệm đánh giá tổng thể mức độ nhận thức của con người, là một bước tiến so với những kiểm tra hệ số số lượng duy nhất của NK. Tuy nhiên, sự lựa chọn có tính chất kinh nghiệm những thử nghiệm không dựa trên quan niệm về bản chất của đối tượng đo đạc, không tính đến lứa tuổi và giới tính của những người thể đã vấp phải sự phê phán gay gắt của G.I Chelpanov và những cộng sự của ông. Đồng thời, G.I Chelpanov thừa nhận khả năng có tính nguyên tắc và lợi ích của việc đo đạc NK với sự giúp đỡ của các trắc nghiệm, nhưng ông kiên quyết gạt bỏ việc tiến hành chẩn đoán bằng một phương pháp thiếu sự nghiên cứu lâu dài, nhiều mặt và bằng chứng về độ tin cậy của các số liệu. Được tiếp nhận tích cực hơn cả trên toàn thế giới là những trắc nghiệm theo lứa tuổi được quy định bởi Bine-simona. Chúng đã được mô phỏng lại ở nước Nga cùng nhiều nước khác trên thế giới và là cơ sở cho việc soạn thảo những trắc nghiệm mới. Trong những năm hai mươi của thế kỉ XX, thuật ngữ «NK» được hiểu là mức độ cao của trí tuệ, cái cần được tính đến trong giáo dục.

Nhà TLH người Nga B.M. Cheplov nhấn mạnh rằng không có NK chung chung mà chỉ có thể là NK với hoạt động nào đó. Ông chia NK làm hai loại là NK chung và NK chuyên biệt. NK chung đảm bảo cho sự thành công trong việc nắm vững phạm vi rộng lớn của các loại hoạt động, còn NK chuyên biệt tạo nên kết quả xuất sắc trong hoạt động xác định. Theo ông, NK không phải là nhân tố duy nhất quyết định thành công của việc thực hiện hoạt động. Luận điểm này đã đi vào nhiều mô hình hiện đại về NK, trong đó có «khái niệm công cụ về NK» được soạn thảo bởi các nhà TLH hàng đầu của Nga.

Sự phong phú của các cách xác định khác nhau về NK cho thấy tính chất phức tạp của hiện tượng này. Đồng thời, khiến những người làm công tác giáo dục và các bậc cha mẹ gặp phải khó khăn trong việc hiểu bản chất của NK và đáp ứng những yêu cầu thực tiễn giáo dục trẻ em có NK. Xuất phát từ tình hình đó, Bộ Giáo dục Liên bang Nga đề nghị các nhà khoa học trong nước soạn thảo khái niệm công cụ về NK với tư cách là cơ sở lí thuyết và phương pháp luận của hoạt động thực tiễn, phản ánh các kết quả nghiên cứu cơ bản ở nước Nga, xu hướng của khoa học thế giới và cũng là kinh nghiệm trong việc giáo dục những trẻ em có NK. Do vậy, có thể khái quát NK và trẻ em có NK như sau:

NK - đó là một phẩm chất tâm lí có tính hệ thống được phát triển trong suốt cuộc đời, nó xác định khả năng đạt được thành tích cao, những kết quả xuất chúng bởi con người ở một hoặc một vài loại hình hoạt động trong sự so sánh với những người khác. Đứa trẻ có NK là đứa trẻ nổi bật lên bởi những thành tích rực rỡ, rõ rệt và đôi khi là xuất chúng (hoặc có những tiền đề bên trong dành cho những thành tích như thế) trong một hoặc một vài lĩnh vực hoạt động.

Khái niệm công cụ trên phản ánh cách tiếp cận sát thực với hiện tượng phức tạp và nhiều phương diện của NK trẻ em. Cách xác định này đã thoát ra khỏi quan niệm cũ có tính chất đòi thường về NK như là mức độ về mặt số lượng của sự thể hiện các năng lực, dẫn tiến đến việc hiểu NK như là phẩm chất có tính hệ thống của tâm lí, được phát triển trong suốt cuộc đời. Ngày nay, phần lớn các nhà TLH thừa nhận rằng mức độ, tính độc đáo và đặc điểm phát triển NK luôn luôn là kết quả của sự tác động qua lại phức tạp giữa những tư chất bẩm sinh với môi trường văn hóa - xã hội thông qua hoạt động của đứa trẻ (vui chơi, học tập, lao động...). Đồng thời, tính tích cực cá nhân và cơ chế tâm lí của sự tự phát triển nhân cách - cơ sở cho sự hình thành và hiện thực hóa tư chất cá nhân - có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bản chất của NK và khả năng phát triển lâu dài của nó (trong suốt cuộc đời) giúp các nhà nghiên cứu và những người làm công tác giáo dục có cái nhìn mới mẻ, toàn diện hơn về NK. Việc hình thành và phát triển NK chịu sự tác động nhiều mặt, của nhiều yếu tố; do vậy, cần bồi dưỡng NK một cách liên tục, ở mọi lứa tuổi; đặc biệt, cần làm nổi bật tầm quan trọng của việc chẩn đoán, phát hiện, tạo điều kiện để NK tiềm ẩn được bộc lộ và phát triển; trong đó, phải tính đến cả những năng lực cũng như những đặc điểm nhân cách cá nhân, diện mạo tinh thần, đạo đức của trẻ trong quá trình giáo dục trẻ em có NK.

Tóm lại, sự phong phú trong cách xác định vấn đề NK cho thấy đây là một hiện tượng vô cùng phức tạp. Sự khác biệt trong các quan niệm phần lớn là do ảnh hưởng mạnh mẽ của sự phát triển khoa học kĩ thuật và những điều kiện xã hội, lịch sử. Trái qua nhiều thế kỉ nhưng cho đến nay, vẫn chưa có cách hiểu thống nhất về NK. Tuy nhiên, trong chừng mực nào đó, các chuyên gia đã đồng tình với nhau ở một số điểm, chẳng hạn như các thành phần tạo nên NK. Vì thế, dù còn tồn tại những hạn chế nhất định trong các lí thuyết về NK nhưng vai trò to lớn của chúng đối

với việc giáo dục trẻ em có NK là điều không thể phủ nhận. Đặc biệt, thực tiễn giáo dục trẻ em có NK ở Nga hiện nay đã khẳng định giá trị của khái niệm NK với tư cách là cơ sở lí thuyết và phương pháp luận của hoạt động này. □

(1) Савенков А.И. Одаренные дети в детском саду и школе - М. 2000.

(2) Психология одаренности детей и подростков. Под редакцией доктора психологических наук Лейтеса Н.С. М.1996.

(3) Попова Л.В. Психология одаренности - М. 2006.

(4) Кузнецова Ю.И. Проблема детской одаренности в американской педагогической психологии XX века.-Нижний Новгород: 2006.

Vai trò của giáo dục...

(Tiếp theo trang 6)

Tiếp tục triển khai thực hiện, huy động các nguồn vốn để thực hiện đề án kiên cố hóa trường, lớp học và trường chuẩn quốc gia. Bảo đảm diện tích đất đai cho việc xây dựng trường học, trong đó có sân chơi, bãi tập, cây xanh, nước sạch, công trình vệ sinh theo tiêu chuẩn nhà nước. Trong quy hoạch khu dân cư mới phải có địa điểm trường, nơi sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao...

Bổ sung, thay thế cơ sở vật chất và thiết bị cho các trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, CĐ, ĐH theo hướng từng bước hiện đại, chú trọng đầu tư các trang thiết bị thí nghiệm, thực hành. Chương trình, nội dung ĐT phải đáp ứng được yêu cầu về nhân lực đối với các ngành KT-XH và đón trước tương lai.

Tăng cường hợp tác quốc tế, đặc biệt, chú trọng mối quan hệ với đất nước láng giềng Trung Quốc và các nước ASEAN để học tập kinh nghiệm, liên kết ĐT, thu hút đầu tư, tiếp cận chuẩn mực GD tiên tiến.

Với mục tiêu nâng cao dân trí, ĐT nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, trong 5 năm qua, ngành GD-ĐT Quảng Ninh đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận, song bên cạnh đó, cũng còn nhiều việc phải làm để đóng góp tích cực hơn nữa vào sự nghiệp CNH-HĐH của tỉnh nhà nói riêng và cả nước nói chung. □

(1) Hồng Hải - Lý Biên Cương - Nhi Giang - Việt Hà. Quảng Ninh tiềm năng triển vọng. NXB Sự thật. H. 1991.

(2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIII nhiệm kì 2010-2015.

Tài liệu tham khảo

Đảng cộng sản Việt Nam. Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. NXB Chính trị quốc gia, H. 1997.